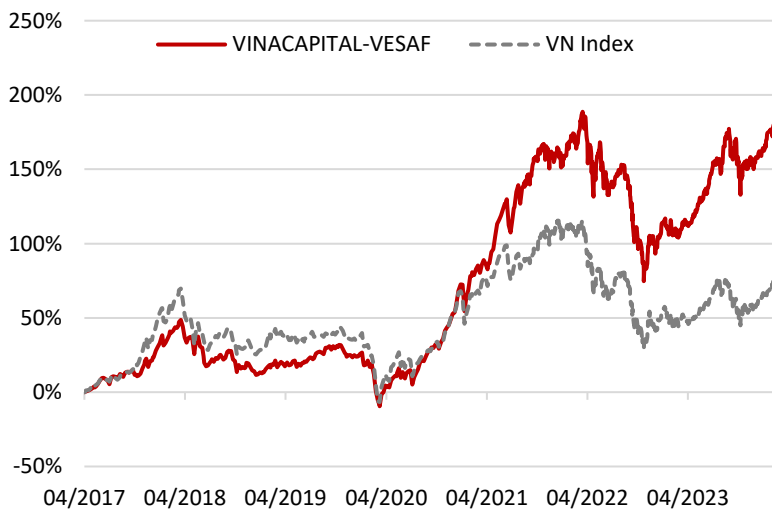


VINACAPITAL-VESAF

Chiến lược đầu tư

Tối đa hóa lợi nhuận đầu tư từ trung đến dài hạn bằng cách tập trung chủ yếu vào các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ có tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận cao, dòng tiền kinh doanh ổn định và mức định giá thấp; các cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài quan tâm nhưng hết room ngoại.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Dữ liệu trên là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư trong tương lai. Lợi nhuận đầu tư và vốn đầu tư sẽ thay đổi do đó Quý nhà đầu tư có thể lời hoặc lỗ khi bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thể hiện ở trên.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VESAF

	VINACAPITAL-VESAF	VN-Index
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	1,663.7	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	27,994.1	
Lợi nhuận tháng 02/2024 (%)	5.7	7.6
Lợi nhuận từ đầu năm 2024 (%)	8.4	10.9
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	16.3	2.3
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập (%)	16.2	8.6
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	179.9	76.6

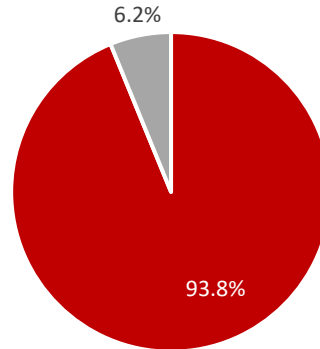
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com

Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



■ Cổ phiếu ■ Tiền và tương đương tiền

Thông tin quỹ

Ngày thành lập	18/04/2017
Phí quản lý	1.75%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng
	1.5% >= 12 tháng
	0.5% >= 24 tháng
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Nghân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Hàng ngày, từ thứ Hai đến thứ Sáu
Chỉ số tham chiếu	VN-Index

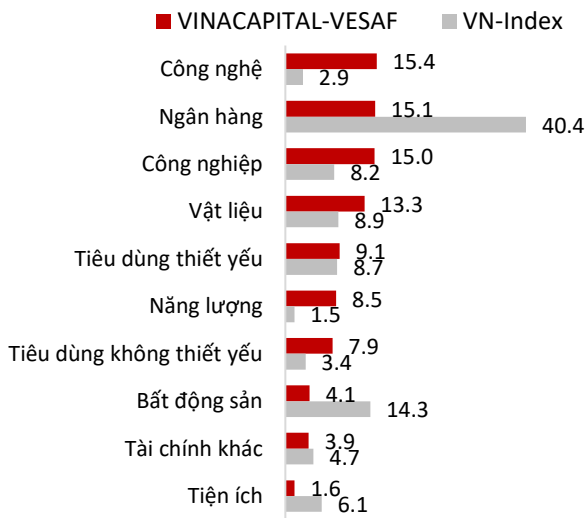
Chỉ số danh mục cổ phiếu

	VINACAPITAL-VESAF	VN-Index
Chỉ số P/E 2024 (x)	10.1	11.4
Chỉ số P/B 2024 (x)	2.0	1.7
Chỉ số ROE 2024 (%)	19.9	14.5
Tỷ suất cổ tức (%)	2.8	2.7
Vòng quay danh mục 12 tháng (%)	13.7	-
Hệ số Sharpe	0.6	0.2
Số lượng cổ phiếu	27.0	417

Nguồn: Bloomberg, dự báo của VinaCapital

Phân bổ theo ngành

% Giá trị tài sản ròng



Danh mục đầu tư lớn

Cổ phiếu	Ngành	% Giá trị tài sản ròng
FPT	Công nghệ	15.4
MBB	Ngân hàng	9.5
STB	Ngân hàng	5.5
SZC	Công nghiệp	5.0
QNS	Tiêu dùng thiết yếu	4.7
FMC	Tiêu dùng thiết yếu	4.4
PVS	Năng lượng	4.3
PNJ	Tiêu dùng không thiết yếu	4.2
MWG	Tiêu dùng không thiết yếu	3.7
DPR	Vật liệu	3.5

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VESAF

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam tiếp tục diễn biến tích cực trong tháng 2/2024. Chỉ số VN-Index tăng 7,6% trong tháng 2, đưa mức tăng trưởng trong 2 tháng đầu năm lên 10,9%.

Trong tháng 2, những nhóm ngành có diễn biến tích cực trên TTCK bao gồm Vật liệu (tăng 14,5% trong tháng - dẫn đầu bởi GVR, HPG, DGC), Công nghệ thông tin (tăng 12,3% - dẫn đầu bởi FPT), và Tài chính (tăng 9,0% - với nhiều cổ phiếu ngân hàng và chứng khoán tăng vượt trội so với thị trường chung).

Vào ngày 28/2/2024, Thủ tướng chính phủ đã chủ trì triển khai Hội nghị nhiệm vụ phát triển TTCK năm 2024. Đây là hội nghị quan trọng đối với định hướng và mục tiêu phát triển của TTCK Việt Nam, tiếp theo Quyết định số 1726/QĐ-TTg, ngày 29/12/2023, của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển TTCK đến năm 2030. Hội nghị này được các nhà đầu tư theo dõi sát sao và đã mang lại tâm lý tích cực cho TTCK. Tại hội nghị này và trong Quyết định số 1726, Thủ tướng đã đặt ra mục tiêu nâng hạng TTCK Việt Nam từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi trong năm 2025, giao nhiệm vụ cụ thể cho Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương xử lý các vướng mắc thuộc trách nhiệm của ngành mình để đáp ứng được quy định tiêu chí nâng hạng TTCK.

Các số liệu kinh tế vĩ mô trong 2 tháng đầu năm nhìn chung tương đối tích cực và phản ánh ngày càng rõ khả năng phục hồi của nền kinh tế. Chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,9% trong 2 tháng đầu năm 2024 (cùng kỳ 2023 giảm 3,1%). Cả xuất và nhập khẩu đều tăng trưởng ấn tượng, với xuất khẩu tăng 19,2% và nhập khẩu tăng 18% so với 2 tháng đầu năm 2023. Riêng xuất khẩu đến Hoa Kỳ tăng đến 34% trong 2 tháng đầu năm 2024, so với giảm 21% trong 2 tháng đầu năm 2023. Chỉ số quản trị mua hàng (PMI) đạt 50,4 trong tháng 2, tiếp tục ở trên mức 50, cho thấy triển vọng tiếp tục tăng trưởng của lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là điểm sáng nổi bật với FDI đăng ký tăng 38,6% và FDI gián ngân tăng 9,8% trong 2 tháng đầu năm. Có lẽ điểm đáng lo ngại duy nhất là biến động về tỷ giá với việc tỷ giá USD/VND đã tăng 1,6% trong 2 tháng đầu năm do chênh lệch lãi suất giữa đồng đô-la Mỹ và đồng Việt Nam vẫn ở mức cao.

Vào thời điểm cuối tháng 2/2024, chỉ số VN-Index đang được giao dịch ở mức P/E 11.4 lần cho năm 2024, theo thống kê của Bloomberg. Chúng tôi kỳ vọng các doanh nghiệp niêm yết có thể đạt mức tăng trưởng lợi nhuận trung bình khoảng 17% trong năm 2024. Định giá của TTCK vẫn ở mức hợp lý để đầu tư dài hạn. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, đà tăng của thị trường có thể bị ảnh hưởng bởi biến động của tỷ giá và quyết định duy trì lãi suất cao lâu hơn dự kiến của Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed).

CẬP NHẬT QUỸ VINACAPITAL-VESAF

Quỹ VINACAPITAL-VESAF tăng trưởng 5,7% trong tháng 2 và 8,4% trong 2 tháng đầu năm. Tăng trưởng trong tháng 2 vẫn đang được đóng góp chủ yếu bởi hai cổ phiếu tỷ trọng lớn nhất danh mục là FPT (+13,9%) và MBB (+11,0%), và những cổ phiếu nhỏ SZC (+10,6%), HAH (+12,8%) và KDH (+12,1%).

Thanh khoản của thị trường Việt Nam đang dần cải thiện, trong đó, giá trị giao dịch hàng ngày trên VN-Index đã tăng 25,0% so với tháng trước, và dòng tiền lan tỏa hơn sang nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa (tăng +24,0%), chủ yếu do dòng tiền các nhà đầu tư trong nước tìm kiếm cơ hội ở thị trường chứng khoán trong môi trường lãi suất thấp. Với bối cảnh như vậy, chúng tôi cho rằng dòng tiền sẽ có sự lan tỏa vào những nhóm ngành khác cũng hưởng lợi từ sự phục hồi của kinh tế. Vì vậy, chúng tôi vẫn kiên định với chiến lược đầu tư chọn lọc theo những tiêu chí của quỹ, và tiếp tục giải ngân vào những công ty chọn lọc trong ngành ngân hàng, chứng khoán, tiêu dùng và xuất khẩu. Danh mục VINACAPITAL-VESAF đang có định giá P/E 10,1 lần cho năm 2024 với dự báo tăng trưởng lợi nhuận các công ty trong danh mục 27,2%.

Lợi nhuận hàng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Lợi nhuận từ đầu năm
2022	-0.8%	4.9%	3.9%	-5.6%	-2.9%	-5.8%	-1.6%	5.5%	-10.2%	-11.3%	-1.8%	-0.1%	-24.4%
2023	9.9%	-5.2%	2.1%	1.8%	5.7%	3.5%	9.4%	3.8%	-1.2%	-11.2%	8.2%	2.5%	30.9%
2024	2.5%	5.7%											8.4%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo. Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.